

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H- TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 229/2020/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Nguyễn Đại Th, sinh năm 1969; Nơi cư trú: 17/85 An Dương Vphường An Đ, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

- Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: 17/85 An Dương V, phường An Đ, thành phố Htỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đại Th và chị Nguyễn Thị Ánh Tkết hôn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu 02 năm, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và anh, chị đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường An Cựu, thành phố Huế ngày 30/7/2001. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân của anh Thắng, chị Tuyết là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và thiếu tôn trọng nhau. Đã nhiều lần vợ chồng cố gắng khắc phục nhưng không đạt kết quả và làm ảnh hưởng đến tâm lý của con cái. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, nên anh Th và chị Tcùng nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Nguyễn Đại Thvà chị Nguyễn Thị Ánh Txác nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung là Nguyễn Thái Nhsinh ngày 07/3/2002 và Nguyễn Khánh Nh, sinh ngày 23/11/2006. Cháu Thái N đã thành niên, nên vợ chồng không đặt ra vấn đề nuôi cháu Thái NhCháu Khánh Nh có nguyện vọng muốn ở với chị Tnên anh Th và chị T thỏa thuận giao cháu Khánh Nh cho chị Tuyết

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Khánh N.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đại Th và chị Nguyễn Thị Ánh T tự giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh Nguyễn Đại Th và chị Nguyễn Thị Ánh T xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đại Th và chị Nguyễn Thị Ánh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 19/6/2020), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Nguyễn Đại Th và chị Nguyễn Thị Ánh T

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 23/11/2006 cho chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến thành niên (đủ 18 tuổi).

Cháu Nguyễn Thái Nh, sinh ngày 07/3/2002 đã thành niên nên anh Th chị T không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thái Nhật.

Anh Nguyễn Đại Th không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nguyễn Khánh Nhật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Đại Thắng và chị Nguyễn Thị Ánh Tuyết tự giải quyết về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Nguyễn Đại Th và chị Nguyễn Thị Ánh T xác nhận vợ chồng chung sống không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Đại Th và chị Nguyễn Thị Ánh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà anh Th, chị T đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/009837 ngày 22/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự

và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT ;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP H
- UBND P. An Cựu, TP H
- (ĐKKH ngày 30/7/2001);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Lê Tuyết Linh